

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE
Bản án số: 136/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2023
Về việc: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Trang

2. Ông Huỳnh Tấn Phát

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lan - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Kim T, sinh năm: 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai đề ngày 13/7/2023, bản tự khai đề ngày 29/8/2023, nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh T. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến tháng 07 năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, sống không hạnh phúc. Quá trình chung sống, chị và anh T có với nhau 02 con chung Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày: 01/01/2016 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 31/12/2018, chị đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Lê Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị Kim T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt (Hòa giải, xét xử) đề ngày 18/9/2023.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đến lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vắng mặt là đúng quy định.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim T đối với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Chấp nhận để chị Lê Thị Kim T được nuôi dưỡng 02 con chung. Ghi nhận chị T nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Kim T khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị Kim T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 18/9/2023. Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập họp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh T đều vắng mặt. Anh T hiện nay vẫn đang sinh sống tại địa phương (Theo đơn xin xác nhận của Công an xã V ngày 13/7/2023, bút lục số 02; biên bản xác minh ngày 01/8/2023, bút lục số 21). Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 233, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh T là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh T; phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến tháng 07

năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, sống không hạnh phúc, không hàn gắn được tình cảm. Chị T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Chị Lê Thị Kim T khai vợ chồng chị chung sống có với nhau 02 người con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày: 01/01/2016 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 31/12/2018, hiện nay chị T đang nuôi dưỡng. Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ lúc chung sống và ly thân đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tại biên bản ghi ý kiến con chung trong vụ án ly hôn ngày 29/8/2023, cháu Nguyễn Ngọc Bảo T có nguyện vọng được sống với mẹ Lê Thị Kim T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Ngọc Bảo T và Nguyễn Hữu T là phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi và quy định pháp luật theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ghi nhận chị T nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung:

Đợt khởi kiện, bản tự khai chị Lê Thị Kim T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 233, 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Thị Kim T.

2. Chị Lê Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

3. Về con chung: Chị Lê Thị Kim T được nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày: 01/01/2016 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 31/12/2018.

Ghi nhận chị Lê Thị Kim T không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời gian con chung của chị T và anh T chưa thành niên (Chưa đủ 18 tuổi), anh chị có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Kim T khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007379 ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Ngày 21/4/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương